

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày 30/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Khả Hòa và ông Đinh Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 29/6/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách- Xã hội (gọi tắt là Ngân hàng).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trương Trọng T, Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách- Xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/01/2020), có mặt;

- Bị đơn: hộ bà Nguyễn Thị T gồm các thành viên: bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1985) và ông Lê Văn D (sinh năm 1982), cùng địa chỉ: Thôn Quyết T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng Chính sách- Xã hội (Đại diện theo ủy quyền là ông Trương Trọng T) trình bày:

Ngày 19/02/2017, Ngân hàng Chính sách - Xã hội (Thông qua phòng giao dịch huyện Đ) cho hộ bà Nguyễn Thị T (do bà T đại diện) vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 36 tháng (định kỳ trả gốc: 12 tháng/kỳ, trả 3 kỳ, mỗi kỳ trả 16.600.000 đồng, kỳ cuối là 16.800.000đ), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/02/2020.

Ngày 19/9/2017, Ngân hàng tiếp tục cho hộ bà T vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 180 tháng (định kỳ trả gốc: 12 tháng/kỳ, trả 10 kỳ, mỗi kỳ trả 2.500.000 đồng), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/9/2032.

Việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Trong quá trình vay vốn, hộ bà T đã sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm nghĩa vụ trả lãi, trả nợ gốc theo đúng cam kết, các thành viên trong hộ hiện nay đã đi khỏi địa phương.

Sau khi Ngân hàng khởi kiện bà T có nhờ người trả một phần nợ lãi của 02 khoản nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T và thành viên trong hộ là ông Lê Văn D (chồng bà T) trả nợ cho Ngân hàng các khoản nợ sau:

- Đối với khoản vay ngày 19/02/2017 gồm: Nợ gốc 50.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 13/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 712.547 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 19/9/2017 gồm: Nợ gốc 25.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 28/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 212.397 đồng.

Và tiền lãi phát sinh của 02 khoản nợ tính từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong.

* Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của bà T, ông D

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 134, 139, 288 của Bộ luật dân sự: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc bà T và ông D chịu toàn bộ án phí của vụ án để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng Chính sách- Xã hội khởi kiện các thành viên của hộ bà Nguyễn Thị T (gồm bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn D) để thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng Chính sách- Xã hội là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn, bút lục số 02), giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (bút lục số 06, 09) và các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, có căn cứ để nhận định:

- Ngày 19/02/2017, hộ bà Nguyễn Thị T (gồm các thành viên: bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn D) do bà T đại diện vay của Ngân hàng Chính sách xã hội (thông qua Phòng giao dịch huyện Đ) 50.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 36 tháng (định kỳ trả gốc: 12 tháng/kỳ, trả 3 kỳ, mỗi kỳ trả 16.600.000 đồng, kỳ cuối là 16.800.000đ), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/02/2020.

- Ngày 19/9/2017, hộ bà Nguyễn Thị T do bà T đại diện vay Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng (định kỳ trả lãi: 01 tháng/lần); thời hạn cho vay 180 tháng (định kỳ trả gốc: 12 tháng/kỳ, trả 10 kỳ, mỗi kỳ trả 2.500.000 đồng), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/9/2032.

Trong quá trình vay vốn, hộ bà T đã sử dụng vốn vay không đúng mục đích, vi phạm nghĩa vụ trả lãi, trả nợ gốc theo đúng cam kết, hiện nay các thành viên trong hộ đã đi khỏi địa phương.

Ngân hàng yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị T (gồm bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn D) trả cho Ngân hàng 02 khoản nợ nói trên gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 134, 139, 288 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng các khoản sau:

- Đối với khoản vay ngày 19/02/2017 gồm: Nợ gốc 50.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 13/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 712.547 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 19/9/2017 gồm: Nợ gốc 25.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 28/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 212.397 đồng.

Và tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong.

[4] Về án phí: Buộc bà T và ông D chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 134, 139, 288, 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách- Xã hội.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách- Xã hội (thông qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai) các khoản:

- Đối với khoản vay ngày 19/02/2017 gồm: Nợ gốc 50.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 13/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 712.547 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 19/9/2017 gồm: Nợ gốc 25.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 28/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 212.397 đồng.

Tổng cộng là: 75.924.944 đồng (bảy mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn D liên đới chịu chịu 3.796.247 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng Chính sách- Xã hội không phải chịu án phí.

5. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng